

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC THỌ  
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2025

“Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH**

***Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Xuân T và ông Phạm Hồng Chương.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Mai Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1981; địa chỉ: Thôn ĐQ, xã QV, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm: 1973; địa chỉ: Thôn ĐQ, xã QV, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; *Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:***

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Th kết hôn với anh Trần Văn T trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc được đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Quang (nay là xã Quang Vĩnh), huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T về chung sống tại nhà bố mẹ chồng ở thôn Đại Quang, xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn sự đồng cảm, sẻ chia cùng nhau. Vì thương con nên chị Th đã cố gắng nhẫn nhịn

đến ngày hôm nay nhưng vợ chồng vẫn thường xuyên cãi vã và sống không hạnh phúc. Cho nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở còn anh T cùng cháu Trần Nguyễn Nhật Avăn ở nhà chung tại ở thôn Đại Quang, xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Nhận thấy rằng cuộc hôn nhân của chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ giải quyết cho được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. *Về con chung và cấp dưỡng*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T có với nhau ba con chung gồm: Cháu thứ nhất là Trần Trọng S, sinh ngày: 01/07/2001; cháu thứ hai là Trần Thị Thanh H, sinh ngày: 16/02/2007; cháu thứ ba là Trần Nguyễn Nhật A, sinh ngày: 24/01/2016. Do cháu Trần Trọng S, sinh ngày: 01/07/2001 đã trên 18 tuổi, đã đi làm kiếm sống nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ly hôn chị Th có nguyện vọng giao con chung là cháu Trần Thị Thanh H, sinh ngày: 16/02/2007 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và giao cháu Trần Nguyễn Nhật A, sinh ngày: 24/01/2016 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Do mỗi người nuôi một con nên chị Th không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh Trần Văn T đều đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các giấy tờ như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Trần Văn T vẫn cố tình vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên tòa mà không có lý do hay ý kiến gì. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng từng sống chung với nhau, qua xác minh được chính quyền địa phương cho biết:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981 và anh Trần Văn T, sinh năm 1973 đều có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Đại Quang, xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T đã đăng ký kết hôn hợp pháp với nhau và được UBND xã Đức Quang (nay là xã Quang Vĩnh) huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 10, ngày 04/08/2006. Sau khi kết hôn chị Th và anh T sống tại thôn Đại Quang, xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn, lời ra tiếng vào. Đến năm 2018 thì thấy chị Th và anh T sống ly thân với nhau, chị Th về sống với bố mẹ ruột còn anh T vẫn sống tại nhà chung ở thôn Đại Quang, xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Từ khi chị Th và anh T sống ly thân với nhau thì không còn thấy

chị Th về tại nhà anh T nữa. Quá trình xảy ra mâu thuẫn chưa được chính quyền hòa giải với nhau lần nào.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T có với nhau ba con chung gồm: Cháu thứ nhất là Trần Trọng S, cháu thứ hai là Trần Thị Thanh H, cháu thứ ba là Trần Nguyễn Nhật A.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị:***

\* *Về tố tụng*: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

\* Việc giải quyết vụ án:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Khoản 1, 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình đề nghị: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th về việc ly hôn với anh Trần Văn T.

Giao con chung cháu Trần Thị Thanh H, sinh ngày 16/02/2007 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao cháu Trần Nguyễn Nhật Anh, sinh ngày 24/01/2016 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét. Anh T, chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm b Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 6, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị buộc chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, nguyên đơn và bị đơn đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đại Quang, xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 17/01/2025 bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự và ấn định thời gian xét xử vào hồi 14 giờ, ngày 21/01/2025. Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Văn T dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Trần Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua xác minh xét thấy chị Nguyễn Thị Th kết hôn với anh Trần Văn T trên cơ sở tình yêu tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Quang (nay là xã Quang Vĩnh), huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Điều đó phù hợp với Trích lục kết hôn số 53/2024/TLKH-BS ngày 19/06/2024 của Ủy ban nhân dân xã Đức Quang (nay là xã Quang Vĩnh) cấp cho chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T, đã được chị Nguyễn Thị Th giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Qua lời khai và kết quả xác minh xét thấy trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn, không còn quan tâm, chăm sóc nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Từ khi ly thân chị Th về sống với bố mẹ đẻ còn anh T vẫn sống với con trai là cháu Trần Nguyễn Nhật Anh tại thôn Đại Quang, xã Quang Vĩnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Trong suốt thời gian sống ly thân cho đến nay chị Th và anh T vẫn không đưa ra được bất kỳ biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Không những vậy, khi Tòa án triệu tập anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị Th đến Tòa án để hòa giải nhưng dù cho đã được triệu tập hợp lệ theo Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự anh T vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện việc bỏ mặc, từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Trần Văn T.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân hai người có với nhau ba con chung: Cháu thứ nhất là Trần Trọng S, sinh ngày: 01/07/2001; cháu thứ hai là Trần Thị Thanh H, sinh ngày: 16/02/2007; cháu thứ ba là Trần Nguyễn Nhật A, sinh ngày: 24/01/2016. Do cháu Trần Trọng S, sinh ngày: 01/07/2001 đã trên 18 tuổi, đã đi làm kiếm sống nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

Cháu Trần Trọng S, sinh ngày: 01/07/2001 đã đủ 18 tuổi và đã đi làm kiếm sống, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Từ khi chị Th ly thân với anh T, cháu Trần Thị Thanh H, sinh ngày: 16/02/2007 được chị Nguyễn Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, học hành

tốt. cháu Trần Thị Thanh H có nguyện vọng được ở với mẹ, do từ khi ly thân cháu H ở với chị Th và chị Th có nguyện trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến tuổi trưởng Th. Ngoài ra, chị Th là người có nhân thân tốt, có nghề nghiệp, thu nhập ổn định đủ để lo cho con có cuộc sống lành mạnh, phát triển T diện về mọi mặt nên cần giao cháu H cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Quá trình chị Th về nhà ngoại ở, cháu Trần Nguyễn Nhật A, sinh ngày: 24/01/2016 cũng được anh T lo lắng, chăm sóc, giáo dục tốt, cháu Trần Nguyễn Nhật A có nguyện vọng được ở với bố là anh Trần Văn T và anh T cũng là người nhân thân tốt, thu nhập ổn định đủ để nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, để tiếp tục đảm bảo cuộc sống và tâm lý ổn định cho các con, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là Trần Thị Thanh H, sinh ngày: 16/02/2007 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Trần Nguyễn Nhật A, sinh ngày: 24/01/2016 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là có cơ sở theo quy định tại các Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị Nguyễn Thị Th, anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Thanh H, sinh ngày: 16/02/2007 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Trần Nguyễn Nhật A, sinh ngày: 24/01/2016 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn T đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0007410 ngày 10/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Chị Nguyễn Thị Th, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Đức Thọ;
- UBND xã Quang Vinh;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Đình Thông**